BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kỹ sư Công nghệ Dệt, may

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ Dệt, may Mã số: 7540204

Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt, may của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về Công nghệ May và Thiết kế thời trang, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành Công nghệ Dệt, may bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị.

PO2: Có khả năng phân tích được các kiến thức ngành và chuyên ngành công nghệ may và thiết kế thời trang để thiết kế và phát triển sản phẩm, hệ thống và quy trình sản xuất; đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại doanh nghiệp dệt may và thời trang, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp; đồng thời vận dụng tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo để làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và số hóa của ngành Dệt – May.

PO4: Phối hợp các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thiết kế phát triển mẫu, xây dựng quy trình và tổ chức sản xuất đồng thời đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

PO5: Vận dụng hiệu quả kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác nhóm; thực hiện quản lý và tổ chức công việc; chủ động tự học và phát triển nghề nghiệp; vận dụng tư duy

sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy định về pháp luật, an toàn và môi trường.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị.**	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang tại doanh nghiệp, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình kỹ thuật thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn cơ bản trong lĩnh vực dệt may và thời trang.**	**3**
		PI 2.1. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để thiết kế kỹ thuật và mỹ thuật các sản phẩm may cơ bản trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 2.2. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để xây dựng quy trình quản lý chất lượng, đảm bảo môi trường và vận hành hệ thống thiết bị trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
3	**PLO3**	**Phân tích kiến thức chung của ngành nhằm thiết kế sản phẩm, xây dựng quy trình công nghệ, quản lý hệ thống và giải pháp cải tiến tại môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.**	**4**
		PI 3.1. Áp dụng kiến thức chung của ngành để xây dựng bản vẽ phác thảo, bản vẽ kỹ thuật để phát triển sản phẩm đáp ứng xu hướng thị trường trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 3.2. Phân tích cấu trúc sản phẩm và quy trình công nghệ may để xây dựng bộ tài liệu kỹ thuật và phương án gia công khi sản xuất các sản phẩm may – thời trang trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	4
		PI3.3. Áp dụng kiến thức chung của ngành để lập kế hoạch quản lý, tổ chức vận hành và cải tiến quy trình trong sản xuất may công nghiệp tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Công nghệ May (modul 1)** **Phân tích kiến thức chuyên ngành công nghệ may nhằm thiết kế, xây dựng tài liệu kỹ thuật và cải tiến quy trình, hệ thống trong sản xuất may công nghiệp**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 4.1.01. Phân tích kiến thức chuyên ngành về cấu trúc sản phẩm và yêu cầu kỹ thuật để thiết kế, xây dựng tài liệu kỹ thuật cho các mã hàng nâng cao trong sản xuất may công nghiệp.	4
		PI 4.2.01. Áp dụng kiến thức chuyên ngành để xây dựng quy trình gia công, tổ chức quản lý và cải tiến dây chuyền trong sản xuất may công nghiệp.	3
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Thiết kế thời trang (modul 2)** **Phân tích được khối kiến thức chuyên ngành Thiết kế thời trang để lên ý tưởng thiết kế và phát triển cải tiến các bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân**	4
		PI 4.1.02. Phân tích khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang về trang trí, bố cục nhịp điệu, diễn họa để phát triển ý tưởng thiết kế các bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
		PI 4.2.02. Áp dụng kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để lên kế hoạch sản xuất và cải tiến bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ, phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** phần mềm chuyên dụng để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình trình thiết kế mẫu kỹ thuật và sản xuất trong bối cảnh doanh nghiệp may – thời trang theo hướng công nghiệp hóa và số hóa.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
8	**PLO8**	**Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành để giải quyết vấn đề nhập môn trong lĩnh vực Dệt may và Thời trang.**	**3**
		PI 8.1. Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành về công nghệ may để giải quyết yêu cầu thiết kế và lựa chọn giải pháp phù hợp cho các sản phẩm may cơ bản tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 8.2. Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành về công nghệ may để giải quyết các vấn đề kỹ thuật và cải thiện quy trình trong các công đoạn sản xuất cơ bản tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
9	**PLO9**	**Vận dụng kỹ năng chung của ngành để nâng cao khả năng thực hiện nhiệm vụ, quản lý và cải tiến trong môi trường doanh nghiệp.**	**3**
		PI 9.1. Vận dụng kỹ năng chung của ngành để thiết kế bản vẽ kỹ thuật và mẫu thử trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 9.2. Vận dụng kỹ năng chung của ngành để tham gia các công đoạn sản xuất, quản lý sản xuất trong quá trình thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.	3
		Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Công nghệ May (modul 1)	
10	**PLO10.01**	**Phối hợp kỹ năng chuyên ngành Công nghệ may để xây dựng tài liệu kỹ thuật, quy trình công nghệ gia công, tổ chức sản xuất và thực hiện các kỹ thuật may sản phẩm trong may công nghiệp.**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 10.1.01. Phối hợp kỹ năng chuyên ngành công nghệ may để thiết kế, phát triển mẫu và xây dựng tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm trong may công nghiệp.	4
		PI 10.2.01. Phối hợp kỹ năng chuyên ngành công nghệ may để xây dựng quy trình gia công, tổ chức sản xuất và thực hiện kỹ thuật may các sản phẩm trong may công nghiệp.	4
		Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Thiết kế thời trang (modul 2)	
	PLO10.02	**Phối hợp được khối kiến thức chuyên ngành Thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng sáng tác, hoàn thiện và cải tiến ý tưởng bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân.**	**4**
		PI 10.1.02. Phối hợp khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng phác thảo bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
		PI 10.2.02. Phối hợp khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng xử lý chất liệu, kỹ thuật sản xuất hoàn thiện các sản phẩm, bộ sưu tập thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực dệt may và thời trang.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên phòng thiết kế, phát triển mẫu, nhân viên phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm may, nhân viên nghiên cứu phát triển họa tiết vải, xu hướng thời trang và ứng dụng thiết kế các sản phẩm thời trang theo xu hướng

- Nhân viên phòng quản lý chất lượng, nhân viên theo dõi đơn hàng, lập kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch xây dựng hình ảnh quảng cáo sản phẩm thời trang, tổ trưởng các chuyền sản xuất;

- Chuyên viên tại các văn phòng đại diện, giáo viên dạy nghề tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

- Tự khởi nghiệp;

- Sau một khoảng thời gian có kinh nghiệm thực tế, và tự học nâng cao trình độ sinh viên có khả năng làm quản lý, điều hành các bộ phận và cơ sở sản xuất trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao;

- Có khả năng theo học các chương trình sau đại học, học tập lên các trình độ cao hơn;

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt, may của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về Công nghệ May và Thiết kế thời trang, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành Công nghệ Dệt, may bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị.	x											
PO2	Có khả năng phân tích được các kiến thức ngành và chuyên ngành công nghệ may và thiết kế thời trang để thiết kế và phát triển sản phẩm, hệ thống và quy trình sản xuất; đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại doanh nghiệp dệt may và thời		x	x	x								

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	trang, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.												
PO3	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp; đồng thời vận dụng tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo để làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và số hóa của ngành Dệt – May					x	x	x					
PO4	Phối hợp các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thiết kế phát triển mẫu, xây dựng quy trình và tổ chức sản xuất đồng thời đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề trong lĩnh vực dệt may và thời trang								x	x	x		
PO5	Vận dụng hiệu quả kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác nhóm; thực hiện quản lý và tổ chức công việc; chủ động tự học và phát triển nghề nghiệp; vận dụng tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy định về pháp luật, an toàn và môi trường.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 155 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 48 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 107 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *62 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *36 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình:

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)**	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (48 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức 4TC GDTC, 8TC GDQP)*			**48**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**	-	
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT & PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac - Lê Nin	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**16**		
001102	1. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(36,18, 90)	x
001103	2. Toán giải tích	KHƯD	3	(36, 18, 90)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
000591	4. Vật lý	KHƯD	4	(44,32,120)	x
000579	5. Hóa học	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
003137	6. Tin học ngành may	BM CNM	2	(6, 48, 60)	x

	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002154	2. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Dệt, may	DMTT	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	
002967	5. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHUD	1	(15, 0, 30)	
000042	6. Marketing ngành may	DMTT	2	(26, 8, 60)	
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (107 tín chỉ)			**107**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**26**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		**20**		
001263	1. Vẽ kỹ thuật	Cơ khí	3	(36, 18, 90)	x
001550	2. Vật liệu may	BM Dệt	3	(39, 12, 90)	x
000092	3. Vẽ mỹ thuật ngành may	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x

001121	4. Mỹ thuật trang phục	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
000050	5. Thiết kế trang phục 1	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
003138	6. Thiết bị và an toàn may công nghiệp	BM CNM	3	(45, 0, 90)	
001123	Thiết bị may công nghiệp	BM CNM	3	(45, 0, 90)	x
002654	7. Công nghệ may 1: Công nghệ may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	2	(26, 08, 60)	x
000252	Kỹ thuật điện	Điện - TĐH	2	(26, 08, 60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6 TC trong các HP)		**6**		
002862	1. Sinh thái và môi trường dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	
001682	2. Quản lý chất lượng trong may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001681	3. Công nghệ sản xuất sản phẩm may trong công nghiệp	BM CNM	2	(30, 0, 60)	x
000717	4. Hình họa thời trang	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
000014	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
003139	6. Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	
003140	7. Thực hành kiểm tra và phân tích vật liệu dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**42**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**30**		
002653	1. Thiết kế trang phục 2	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
001671	2. Sáng tác mẫu thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001670	3. Thiết kế trang phục 5: Thiết kế mẫu trên manocanh	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
003141	4. Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x
001676	5. Công nghệ may 2: Công nghệ may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001674	6. Thực hành 1: Thực hành cắt may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x

002424	7. Lập kế hoạch SX trong may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
002423	8. Quản lý đơn hàng (Merchandising)	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001673	9. Thực hành 2: Thực hành cắt may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
001669	10. Đồ án thiết kế thời trang	BM TKTT	2	(0, 120, 60)	x
001668	11. Thực hành 5: Thực hành sản phẩm thời trang	BM TKTT	3	(0, 120, 90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 12 TC trong các học phần)		**12**		
001257	1. Thiết kế thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002118	2. Thực tập sản xuất 1	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002119	3. Thực tập sản xuất 2	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002120	4. Thực tập sản xuất 3	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002400	5. Sáng tác mẫu thời trang trẻ em	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
003442	6. Thiết kế và chế tạo dưỡng may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
003143	7. Tiếng Anh chuyên ngành may	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
003144	8. Thiết kế trang phục chuyên dụng từ vật liệu mới	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modun)		**39**		
	2.3.1. Modun 1: Chuyên ngành Công nghệ may		***39***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**17**		
001126	1. Thiết kế trang phục 3	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001675	2. Công nghệ may 3: Công nghệ may áo jacket nam, nữ và áo veston nam	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001664	3. Thiết kế trang phục 4: Thiết kế mẫu trong may công nghiệp	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x

001307	4. Công nghệ may 4: Xây dựng tài liệu kỹ thuật mã hàng	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001672	5. Thực hành 3: Thực hành cắt may áo Jacket nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160,120)	x
001376	6. Đồ án công nghệ may	BM CNM	2	(0, 120, 60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 8 TC trong các HP)		**8**		
003145	1. Tổ chức sản xuất và định mức kinh tế ngành may	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001665	2. Thiết kế dây chuyền may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001886	3. Thực hành 4: Thực hành cắt may áo veston nam	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
002064	4. Thiết kế sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(24, 12, 60)	
002065	5. Công nghệ may sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
002066	6. Thực hành cắt may sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	4	(0, 120, 90)	
000893	Thực tập cuối Khóa	BM CNM	**5**	(0, 300, 0)	x
001869	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành CN may	BM CNM	**9**	(0/540/0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ may (chọn 9TC trong các học phần)				
003146	1. Thiết kế 3D sản phẩm may	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x
003147	2. Thực hành cắt may trang phục truyền thống VN	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
003148	3. Dự án phát triển mẫu sản phẩm trong may công nghiệp	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002401	4. Thực hành cắt may bộ veston nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	
003149	5. Dự án quản lý điều hành xưởng sản xuất	BM CNM	3	(0, 180, 0)	

003150	6. Dự án cải tiến sản xuất ngành may	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
003151	7. Dự án quản lý chất lượng SP may	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
	2.3.2. ***Modun 2: Chuyên ngành Thiết kế thời trang***		***39***		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		**16**		
002403	1. Bố cục và nhịp điệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002404	2. Trang trí màu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002409	3. Đồ họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002407	4. Thực hành thời trang nâng cao 1	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
002408	5. Thực hành thời trang nâng cao 2	BM TKTT	4	(0, 120,120)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 9TC trong các học phần)		**9**		
002406	1. Diễn họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002410	2. Kỹ thuật sáng tác chất liệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002405	3. Thực hành hình họa thời trang	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
001901	4. Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
001903	5. Sáng tác mẫu trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001904	6. Kỹ thuật trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001905	7. Trang phục các dân tộc Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
000893	**Thực tập cuối Khóa**	BM TKTT	**5**	(0/300/0)	x
001869	**Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang**	BM TKTT	**9**	(0/540,0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang (chọn 9TC trong các học phần)				
003152	1. Dự án sáng tác mẫu thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x

003153	2. Thực hành sản phẩm thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003154	3. Thiết kế hồ sơ năng lực thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003155	4. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang thể thao	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	
003156	5. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang theo kỹ thuật làng nghề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	
003157	6. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang bền vững	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4,5 năm, chia thành 9 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kỹ sư Công nghệ Dệt, may

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ Dệt, may Mã số: 7540204

Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt, may của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về Công nghệ May và Thiết kế thời trang, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành Công nghệ Dệt, may bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị.

PO2: Có khả năng phân tích được các kiến thức ngành và chuyên ngành công nghệ may và thiết kế thời trang để thiết kế và phát triển sản phẩm, hệ thống và quy trình sản xuất; đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại doanh nghiệp dệt may và thời trang, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp; đồng thời vận dụng tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo để làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và số hóa của ngành Dệt – May.

PO4: Phối hợp các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thiết kế phát triển mẫu, xây dựng quy trình và tổ chức sản xuất đồng thời đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

PO5: Vận dụng hiệu quả kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác nhóm; thực hiện quản lý và tổ chức công việc; chủ động tự học và phát triển nghề nghiệp; vận dụng tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy định về pháp luật, an toàn và môi trường.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị.**	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang tại doanh nghiệp, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình kỹ thuật thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn cơ bản trong lĩnh vực dệt may và thời trang.**	**3**
		PI 2.1. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để thiết kế kỹ thuật và mỹ thuật các sản phẩm may cơ bản trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 2.2. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để xây dựng quy trình quản lý chất lượng, đảm bảo môi trường và vận hành hệ thống thiết bị trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
3	**PLO3**	**Phân tích kiến thức chung của ngành nhằm thiết kế sản phẩm, xây dựng quy trình công nghệ, quản lý hệ thống và giải pháp cải tiến tại môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.**	**4**
		PI 3.1. Áp dụng kiến thức chung của ngành để xây dựng bản vẽ phác thảo, bản vẽ kỹ thuật để phát triển sản phẩm đáp ứng xu hướng thị trường trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 3.2. Phân tích cấu trúc sản phẩm và quy trình công nghệ may để xây dựng bộ tài liệu kỹ thuật và phương án gia công khi sản xuất các sản phẩm may – thời trang trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	4
		PI3.3. Áp dụng kiến thức chung của ngành để lập kế hoạch quản lý, tổ chức vận hành và cải tiến quy trình trong sản xuất may công nghiệp tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Công nghệ May (modul 1)** **Phân tích kiến thức chuyên ngành công nghệ may nhằm thiết kế, xây dựng tài liệu kỹ thuật và cải tiến quy trình, hệ thống trong sản xuất may công nghiệp**	**4**
		PI 4.1.01. Phân tích kiến thức chuyên ngành về cấu trúc sản phẩm và yêu cầu kỹ thuật để thiết kế, xây dựng tài liệu kỹ thuật cho các mã hàng nâng cao trong sản xuất may công nghiệp.	4
		PI 4.2.01. Áp dụng kiến thức chuyên ngành để xây dựng quy trình gia công, tổ chức quản lý và cải tiến dây chuyền trong sản xuất may công nghiệp.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Thiết kế thời trang (modul 2)** **Phân tích được khối kiến thức chuyên ngành Thiết kế thời trang để lên ý tưởng thiết kế và phát triển cải tiến các bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân**	4
		PI 4.1.02. Phân tích khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang về trang trí, bố cục nhịp điệu, diễn họa để phát triển ý tưởng thiết kế các bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
		PI 4.2.02. Áp dụng kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để lên kế hoạch sản xuất và cải tiến bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ, phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** phần mềm chuyên dụng để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình trình thiết kế mẫu kỹ thuật và sản xuất trong bối cảnh doanh nghiệp may – thời trang theo hướng công nghiệp hóa và số hóa.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành để giải quyết vấn đề nhập môn trong lĩnh vực Dệt may và Thời trang.**	**3**
		PI 8.1. Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành về công nghệ may để giải quyết yêu cầu thiết kế và lựa chọn giải pháp phù hợp cho các sản phẩm may cơ bản tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 8.2. Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành về công nghệ may để giải quyết các vấn đề kỹ thuật và cải thiện quy trình trong các công đoạn sản xuất cơ bản tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
9	**PLO9**	**Vận dụng kỹ năng chung của ngành để nâng cao khả năng thực hiện nhiệm vụ, quản lý và cải tiến trong môi trường doanh nghiệp.**	**3**
		PI 9.1. Vận dụng kỹ năng chung của ngành để thiết kế bản vẽ kỹ thuật và mẫu thử trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 9.2. Vận dụng kỹ năng chung của ngành để tham gia các công đoạn sản xuất, quản lý sản xuất trong quá trình thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.	3
		Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Công nghệ May (modul 1)	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
10	**PLO10.01**	**Phối hợp kỹ năng chuyên ngành Công nghệ may để xây dựng tài liệu kỹ thuật, quy trình công nghệ gia công, tổ chức sản xuất và thực hiện các kỹ thuật may sản phẩm trong may công nghiệp.**	**4**
		PI 10.1.01. Phối hợp kỹ năng chuyên ngành công nghệ may để thiết kế, phát triển mẫu và xây dựng tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm trong may công nghiệp.	4
		PI 10.2.01. Phối hợp kỹ năng chuyên ngành công nghệ may để xây dựng quy trình gia công, tổ chức sản xuất và thực hiện kỹ thuật may các sản phẩm trong may công nghiệp.	4
		Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Thiết kế thời trang (modul 2)	
	PLO10.02	**Phối hợp được khối kiến thức chuyên ngành Thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng sáng tác, hoàn thiện và cải tiến ý tưởng bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân.**	**4**
		PI 10.1.02. Phối hợp khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng phác thảo bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
		PI 10.2.02. Phối hợp khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng xử lý chất liệu, kỹ thuật sản xuất hoàn thiện các sản phẩm, bộ sưu tập thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực dệt may và thời trang.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên phòng thiết kế, phát triển mẫu, nhân viên phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm may, nhân viên nghiên cứu phát triển họa tiết vải, xu hướng thời trang và ứng dụng thiết kế các sản phẩm thời trang theo xu hướng

- Nhân viên phòng quản lý chất lượng, nhân viên theo dõi đơn hàng, lập kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch xây dựng hình ảnh quảng cáo sản phẩm thời trang, tổ trưởng các chuyền sản xuất;

- Chuyên viên tại các văn phòng đại diện, giáo viên dạy nghề tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

- Tự khởi nghiệp;

- Sau một khoảng thời gian có kinh nghiệm thực tế, và tự học nâng cao trình độ sinh viên có khả năng làm quản lý, điều hành các bộ phận và cơ sở sản xuất trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao;

- Có khả năng theo học các chương trình sau đại học, học tập lên các trình độ cao hơn;

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt, may của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về Công nghệ May và Thiết kế thời trang, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành Công nghệ Dệt, may bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ	x											

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	chức và đơn vị.												
PO2	Có khả năng phân tích được các kiến thức ngành và chuyên ngành công nghệ may và thiết kế thời trang để thiết kế và phát triển sản phẩm, hệ thống và quy trình sản xuất; đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại doanh nghiệp dệt may và thời trang, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.		x	x	x								
PO3	Có khả năng sử dụng					x	x	x					

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp; đồng thời vận dụng tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo để làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và số hóa của ngành Dệt – May												
PO4	Phối hợp các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thiết kế phát triển mẫu, xây dựng quy trình và tổ chức sản xuất đồng thời đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu								x	x	x		

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	quả các vấn đề trong lĩnh vực dệt may và thời trang												
PO5	Vận dụng hiệu quả kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác nhóm; thực hiện quản lý và tổ chức công việc; chủ động tự học và phát triển nghề nghiệp; vận dụng tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy định về pháp luật, an toàn											x	x

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	và môi trường.												

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 155 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 49 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 106 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *63 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *34 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình:

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (49 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức 4TC GDTC, 8TC GDQP)*			**49**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**	-	
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT & PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac - Lê Nin	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**	-	
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**17**		
001102	1. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(36,18, 90)	x
001103	2. Toán giải tích	KHƯD	3	(36, 18, 90)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
000591	4. Vật lý	KHƯD	4	(44,32,120)	x
003001	5. Hóa học	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
003137	6. Tin học ngành may	BM CNM	2	(6, 48, 60)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002154	2. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Dệt, may	DMTT	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
002967	5. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
000042	6. Marketing ngành may	DMTT	2	(26, 8, 60)	
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (106 tín chỉ)			**106**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**26**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		**18**		
001263	1. Vẽ kỹ thuật	Cơ khí	3	(36, 18, 90)	x
001550	2. Vật liệu may	BM Dệt	3	(39, 12, 90)	x
000092	3. Vẽ mỹ thuật ngành may	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
001121	4. Mỹ thuật trang phục	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
000050	5. Thiết kế trang phục 1	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
003138	6. Thiết bị và an toàn may công nghiệp	BM CNM	3	(45, 0, 90)	
001123	Thiết bị may công nghiệp		3		x
002654	7. Công nghệ may 1: Công nghệ may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	2	(26, 08, 60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 8 TC trong các HP)		**8**		
002862	1. Sinh thái và môi trường dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	x
001682	2. Quản lý chất lượng trong may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001681	3. Công nghệ sản xuất sản phẩm may trong công nghiệp	BM CNM	2	(30, 0, 60)	x
000717	4. Hình họa thời trang	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
000014	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
003139	6. Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003140	7. Thực hành kiểm tra và phân tích vật liệu dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**41**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**29**		
002653	1. Thiết kế trang phục 2	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
001671	2. Sáng tác mẫu thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001670	3. Thiết kế trang phục 5: Thiết kế mẫu trên manocanh	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
003141	4. Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x
003142	5. Công nghệ may 2: Công nghệ may quần âu nam, nữ	BM CNM	2	(26, 08, 60)	x
001674	6. Thực hành 1: Thực hành cắt may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
002424	7. Lập kế hoạch SX trong may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
002423	8. Quản lý đơn hàng (Merchandising)	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001673	9. Thực hành 2: Thực hành cắt may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
001669	10. Đồ án thiết kế thời trang	BM TKTT	2	(0, 120, 60)	x
001668	11. Thực hành 5: Thực hành sản phẩm thời trang	BM TKTT	3	(0, 120, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 12 TC trong các học phần)		**12**		
001257	1. Thiết kế thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002118	2. Thực tập sản xuất 1	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002119	3. Thực tập sản xuất 2	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002120	4. Thực tập sản xuất 3	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002400	5. Sáng tác mẫu thời trang trẻ em	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
003442	6. Thiết kế và chế tạo dưỡng may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
003143	7. Tiếng Anh chuyên ngành may	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
003144	8. Thiết kế trang phục chuyên dụng từ vật liệu mới	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modun)		**39**		
	2.3.1. Modun 1: Chuyên ngành Công nghệ may		***39***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**17**		
001126	1. Thiết kế trang phục 3	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001675	2. Công nghệ may 3: Công nghệ may áo jacket nam, nữ và áo veston nam	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001664	3. Thiết kế trang phục 4: Thiết kế mẫu trong may công nghiệp	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001307	4. Công nghệ may 4: Xây dựng tài liệu kỹ thuật mã hàng	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001672	5. Thực hành 3: Thực hành cắt may áo Jacket nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160,120)	x
001376	6. Đồ án công nghệ may	BM CNM	2	(0, 120, 60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 8 TC trong các HP)		**8**		
003145	1. Tổ chức sản xuất và định mức kinh tế ngành may	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001665	2. Thiết kế dây chuyền may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001886	3. Thực hành 4: Thực hành cắt may áo veston nam	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
002064	4. Thiết kế sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(24, 12, 60)	
002065	5. Công nghệ may sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
002066	6. Thực hành cắt may sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	4	(0, 120, 90)	
000893	Thực tập cuối Khóa	BM CNM	**5**	(0, 300, 0)	x
001869	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành CN may	BM CNM	**9**	(0/540/0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ may (chọn 9TC trong các học phần)				
003146	1. Thiết kế 3D sản phẩm may	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003147	2. Thực hành cắt may trang phục truyền thống VN	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
003148	3. Dự án phát triển mẫu sản phẩm trong may công nghiệp	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002401	4. Thực hành cắt may bộ veston nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	
003149	5. Dự án quản lý điều hành xưởng sản xuất	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
003150	6. Dự án cải tiến sản xuất ngành may	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
003151	7. Dự án quản lý chất lượng SP may	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
	2.3.2. ***Modun 2: Chuyên ngành Thiết kế thời trang***		***39***		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		**16**		
002403	1. Bố cục và nhịp điệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002404	2. Trang trí màu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002409	3. Đồ họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002407	4. Thực hành thời trang nâng cao 1	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
002408	5. Thực hành thời trang nâng cao 2	BM TKTT	4	(0, 120,120)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 9TC trong các học phần)		**9**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002406	1. Diễn họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002410	2. Kỹ thuật sáng tác chất liệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002405	3. Thực hành hình họa thời trang	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
001901	4. Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
001903	5. Sáng tác mẫu trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001904	6. Kỹ thuật trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001905	7. Trang phục các dân tộc Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
000893	**Thực tập cuối Khóa**	BM TKTT	**5**	(0/300/0)	x
001869	**Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang**	BM TKTT	**9**	(0/540,0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang (chọn 9TC trong các học phần)				
003152	1. Dự án sáng tác mẫu thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003153	2. Thực hành sản phẩm thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003154	3. Thiết kế hồ sơ năng lực thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003155	4. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang thể thao	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003156	5. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang theo kỹ thuật làng nghề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	
003157	6. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang bền vững	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4,5 năm, chia thành 9 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...

- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kỹ sư Công nghệ Dệt, may

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ Dệt, may Mã số: 7540204

Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt, may của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về Công nghệ May và Thiết kế thời trang, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành Công nghệ Dệt, may bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị.

PO2: Có khả năng phân tích được các kiến thức ngành và chuyên ngành công nghệ may và thiết kế thời trang để thiết kế và phát triển sản phẩm, hệ thống và quy trình sản xuất; đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại doanh nghiệp dệt may và thời trang, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp; đồng thời vận dụng tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo để làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và số hóa của ngành Dệt – May.

PO4: Phối hợp các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thiết kế phát triển mẫu, xây dựng quy trình và tổ chức sản xuất đồng thời đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

PO5: Vận dụng hiệu quả kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác nhóm; thực hiện quản lý và tổ chức công việc; chủ động tự học và phát triển nghề nghiệp; vận dụng tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy định về pháp luật, an toàn và môi trường.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị.**	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang tại doanh nghiệp, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình kỹ thuật thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn cơ bản trong lĩnh vực dệt may và thời trang.**	**3**
		PI 2.1. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để thiết kế kỹ thuật và mỹ thuật các sản phẩm may cơ bản trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 2.2. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để xây dựng quy trình quản lý chất lượng, đảm bảo môi trường và vận hành hệ thống thiết bị trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
3	**PLO3**	**Phân tích kiến thức chung của ngành nhằm thiết kế sản phẩm, xây dựng quy trình công nghệ, quản lý hệ thống và giải pháp cải tiến tại môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.**	**4**
		PI 3.1. Áp dụng kiến thức chung của ngành để xây dựng bản vẽ phác thảo, bản vẽ kỹ thuật để phát triển sản phẩm đáp ứng xu hướng thị trường trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 3.2. Phân tích cấu trúc sản phẩm và quy trình công nghệ may để xây dựng bộ tài liệu kỹ thuật và phương án gia công khi sản xuất các sản phẩm may – thời trang trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	4
		PI3.3. Áp dụng kiến thức chung của ngành để lập kế hoạch quản lý, tổ chức vận hành và cải tiến quy trình trong sản xuất may công nghiệp tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Công nghệ May (modul 1)** **Phân tích kiến thức chuyên ngành công nghệ may nhằm thiết kế, xây dựng tài liệu kỹ thuật và cải tiến quy trình, hệ thống trong sản xuất may công nghiệp**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 4.1.01. Phân tích kiến thức chuyên ngành về cấu trúc sản phẩm và yêu cầu kỹ thuật để thiết kế, xây dựng tài liệu kỹ thuật cho các mã hàng nâng cao trong sản xuất may công nghiệp.	4
		PI 4.2.01. Áp dụng kiến thức chuyên ngành để xây dựng quy trình gia công, tổ chức quản lý và cải tiến dây chuyền trong sản xuất may công nghiệp.	3
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Thiết kế thời trang (modul 2)** **Phân tích được khối kiến thức chuyên ngành Thiết kế thời trang để lên ý tưởng thiết kế và phát triển cải tiến các bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân**	4
		PI 4.1.02. Phân tích khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang về trang trí, bố cục nhịp điệu, diễn họa để phát triển ý tưởng thiết kế các bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
		PI 4.2.02. Áp dụng kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để lên kế hoạch sản xuất và cải tiến bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ, phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** phần mềm chuyên dụng để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình trình thiết kế mẫu kỹ thuật và sản xuất trong bối cảnh doanh nghiệp may – thời trang theo hướng công nghiệp hóa và số hóa.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
8	**PLO8**	**Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành để giải quyết vấn đề nhập môn trong lĩnh vực Dệt may và Thời trang.**	**3**
		PI 8.1. Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành về công nghệ may để giải quyết yêu cầu thiết kế và lựa chọn giải pháp phù hợp cho các sản phẩm may cơ bản tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 8.2. Vận dụng kỹ năng cơ sở ngành về công nghệ may để giải quyết các vấn đề kỹ thuật và cải thiện quy trình trong các công đoạn sản xuất cơ bản tại doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
9	**PLO9**	**Vận dụng kỹ năng chung của ngành để nâng cao khả năng thực hiện nhiệm vụ, quản lý và cải tiến trong môi trường doanh nghiệp.**	**3**
		PI 9.1. Vận dụng kỹ năng chung của ngành để thiết kế bản vẽ kỹ thuật và mẫu thử trong môi trường doanh nghiệp dệt may và thời trang.	3
		PI 9.2. Vận dụng kỹ năng chung của ngành để tham gia các công đoạn sản xuất, quản lý sản xuất trong quá trình thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.	3
		Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Công nghệ May (modul 1)	
10	**PLO10.01**	**Phối hợp kỹ năng chuyên ngành Công nghệ may để xây dựng tài liệu kỹ thuật, quy trình công nghệ gia công, tổ chức sản xuất và thực hiện các kỹ thuật may sản phẩm trong may công nghiệp.**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 10.1.01. Phối hợp kỹ năng chuyên ngành công nghệ may để thiết kế, phát triển mẫu và xây dựng tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm trong may công nghiệp.	4
		PI 10.2.01. Phối hợp kỹ năng chuyên ngành công nghệ may để xây dựng quy trình gia công, tổ chức sản xuất và thực hiện kỹ thuật may các sản phẩm trong may công nghiệp.	4
		Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Thiết kế thời trang (modul 2)	
	PLO10.02	**Phối hợp được khối kiến thức chuyên ngành Thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng sáng tác, hoàn thiện và cải tiến ý tưởng bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân.**	**4**
		PI 10.1.02. Phối hợp khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng phác thảo bộ sưu tập, sản phẩm thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
		PI 10.2.02. Phối hợp khối kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để thực hiện kỹ năng xử lý chất liệu, kỹ thuật sản xuất hoàn thiện các sản phẩm, bộ sưu tập thời trang trong môi trường doanh nghiệp và tư nhân lĩnh vực dệt may và thời trang.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực dệt may và thời trang.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên phòng thiết kế, phát triển mẫu, nhân viên phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm may, nhân viên nghiên cứu phát triển họa tiết vải, xu hướng thời trang và ứng dụng thiết kế các sản phẩm thời trang theo xu hướng

- Nhân viên phòng quản lý chất lượng, nhân viên theo dõi đơn hàng, lập kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch xây dựng hình ảnh quảng cáo sản phẩm thời trang, tổ trưởng các chuyền sản xuất;

- Chuyên viên tại các văn phòng đại diện, giáo viên dạy nghề tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

- Tự khởi nghiệp;

- Sau một khoảng thời gian có kinh nghiệm thực tế, và tự học nâng cao trình độ sinh viên có khả năng làm quản lý, điều hành các bộ phận và cơ sở sản xuất trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao;

- Có khả năng theo học các chương trình sau đại học, học tập lên các trình độ cao hơn;

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt, may của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về Công nghệ May và Thiết kế thời trang, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành Công nghệ Dệt, may bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực dệt may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị.	x											
PO2	Có khả năng phân tích được các kiến thức ngành và chuyên ngành công nghệ may và thiết kế thời trang để thiết kế và phát triển sản phẩm, hệ thống và quy		x	x	x								

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
	trình sản xuất; đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại doanh nghiệp dệt may và thời trang, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.												
PO3	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp; đồng thời vận dụng tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo để làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và số hóa của ngành Dệt – May					x	x	x					
PO4	Phối hợp các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thiết kế phát triển mẫu, xây dựng quy trình và tổ chức sản xuất đồng thời đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề trong lĩnh vực dệt may và thời trang								x	x	x		
PO5	Vận dụng hiệu quả kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác nhóm; thực hiện quản lý và tổ chức công việc; chủ động tự học và phát triển nghề nghiệp; vận dụng tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy định về pháp luật, an toàn và môi trường.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 155 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 49 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 106 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *61 tín chỉ*

- *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *36 tín chỉ*
- *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình:

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự ọc)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (49 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức 4TC GDTC, 8TC GDQP)*			**49**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**	-	
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT & PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac - Lê Nin	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**	-	
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**13**		
001102	1. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(36,18, 90)	x
001103	2. Toán giải tích	KHƯD	3	(36, 18, 90)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
003001	4. Hóa học	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
003137	5. Tin học ngành may	BM CNM	2	(6, 48, 60)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		

001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**7**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002154	2. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Dệt, may	DMTT	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
002967	5. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
000042	6. Marketing ngành may	DMTT	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (106 tín chỉ)			**106**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**26**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		**18**		
001263	1. Vẽ kỹ thuật	Cơ khí	3	(36, 18, 90)	x
001550	2. Vật liệu may	BM Dệt	3	(39, 12, 90)	x
000092	3. Vẽ mỹ thuật ngành may	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
001121	4. Mỹ thuật trang phục	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
000050	5. Thiết kế trang phục 1	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
003138	6. Thiết bị và an toàn may công nghiệp	BM CNM	3	(45, 0, 90)	x

002654	7. Công nghệ may 1: Công nghệ may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	2	(26, 08, 60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 8 TC trong các HP)		**8**		
002862	1. Sinh thái và môi trường dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	x
001682	2. Quản lý chất lượng trong may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001681	3. Công nghệ sản xuất sản phẩm may trong công nghiệp	BM CNM	2	(30, 0, 60)	x
000717	4. Hình họa thời trang	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
000014	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
003139	6. Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	
003140	7. Thực hành kiểm tra và phân tích vật liệu dệt may	BM Dệt	2	(28, 4, 60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**41**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**29**		
002653	1. Thiết kế trang phục 2	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
001671	2. Sáng tác mẫu thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001670	3. Thiết kế trang phục 5: Thiết kế mẫu trên manocanh	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
003141	4. Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x
003142	5. Công nghệ may 2: Công nghệ may quần âu nam, nữ	BM CNM	2	(26, 08, 60)	x
001674	6. Thực hành 1: Thực hành cắt may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
002424	7. Lập kế hoạch SX trong may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
002423	8. Quản lý đơn hàng (Merchandising)	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001673	9. Thực hành 2: Thực hành cắt may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
001669	10. Đồ án thiết kế thời trang	BM TKTT	2	(0, 120, 60)	x
001668	11. Thực hành 5: Thực hành sản phẩm thời trang	BM TKTT	3	(0, 120, 90)	x

	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 12 TC trong các học phần)		**12**		
001257	1. Thiết kế thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002118	2. Thực tập sản xuất 1	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002119	3. Thực tập sản xuất 2	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002120	4. Thực tập sản xuất 3	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002400	5. Sáng tác mẫu thời trang trẻ em	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
003442	6. Thiết kế và chế tạo dưỡng may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
003143	7. Tiếng Anh chuyên ngành may	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
003144	8. Thiết kế trang phục chuyên dụng từ vật liệu mới	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modun)		**39**		
	2.3.1. Modun 1: Chuyên ngành Công nghệ may		***39***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**17**		
001126	1. Thiết kế trang phục 3	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001675	2. Công nghệ may 3: Công nghệ may áo jacket nam, nữ và áo veston nam	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001664	3. Thiết kế trang phục 4: Thiết kế mẫu trong may công nghiệp	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001307	4. Công nghệ may 4: Xây dựng tài liệu kỹ thuật mã hàng	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001672	5. Thực hành 3: Thực hành cắt may áo Jacket nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160,120)	x
001376	6. Đồ án công nghệ may	BM CNM	2	(0, 120, 60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 8 TC trong các HP)		**8**		
003145	1. Tổ chức sản xuất và định mức kinh tế ngành may	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001665	2. Thiết kế dây chuyền may công nghiệp	BM CNM	2	(26, 8, 60)	x
001886	3. Thực hành 4: Thực hành cắt may áo veston nam	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
002064	4. Thiết kế sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(24, 12, 60)	

002065	5. Công nghệ may sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(26, 8, 60)	
002066	6. Thực hành cắt may sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	4	(0, 120, 90)	
000893	Thực tập cuối Khóa	BM CNM	**5**	(0, 300, 0)	x
001869	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành CN may	BM CNM	**9**	(0/540/0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ may (chọn 9TC trong các học phần)				
003146	1. Thiết kế 3D sản phẩm may	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x
003147	2. Thực hành cắt may trang phục truyền thống VN	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
003148	3. Dự án phát triển mẫu sản phẩm trong may công nghiệp	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002401	4. Thực hành cắt may bộ veston nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	
003149	5. Dự án quản lý điều hành xưởng sản xuất	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
003150	6. Dự án cải tiến sản xuất ngành may	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
003151	7. Dự án quản lý chất lượng SP may	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
	2.3.2. ***Modun 2: Chuyên ngành Thiết kế thời trang***		***39***		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		**16**		
002403	1. Bố cục và nhịp điệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002404	2. Trang trí màu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002409	3. Đồ họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002407	4. Thực hành thời trang nâng cao 1	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
002408	5. Thực hành thời trang nâng cao 2	BM TKTT	4	(0, 120,120)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 9TC trong các học phần)		**9**		
002406	1. Diễn họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002410	2. Kỹ thuật sáng tác chất liệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002405	3. Thực hành hình họa thời trang	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x

001901	4. Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
001903	5. Sáng tác mẫu trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001904	6. Kỹ thuật trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001905	7. Trang phục các dân tộc Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
000893	**Thực tập cuối Khóa**	BM TKTT	**5**	(0/300/0)	x
001869	**Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang**	BM TKTT	**9**	(0/540,0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang (chọn 9TC trong các học phần)				
003152	1. Dự án sáng tác mẫu thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003153	2. Thực hành sản phẩm thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003154	3. Thiết kế hồ sơ năng lực thời trang theo chuyên đề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
003155	4. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang thể thao	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	
003156	5. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang theo kỹ thuật làng nghề	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	
003157	6. Thực hành dự án sáng tác mẫu thời trang bền vững	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4,5 năm, chia thành 9 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long